

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HSPT

Ngày: 11 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức;

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Bình

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 324/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964, tại: Tỉnh Đăk Lăk; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay: Đường X, phường TT, thành phố B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và Trần Thị S, sinh năm 1944; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Kim L (đã chết) và có 02 con; con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996. Bị cáo có vợ hai là Phạm Thị H, sinh năm 1968. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/7/2019 đến ngày 26/7/2019 được tại ngoại - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Phạm Thị H và Phạm Ngọc T1 nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5/2019, Phan Phạm Trường A (cháu ruột của Phạm Thị H), dẫn bạn của mình tên B1, trú tại: Thành phố Hồ Chí Minh (chưa xác định được nhân thân lai lịch) về Đăk Lăk chơi và gặp Phạm Thị H, Nguyễn Văn T. Quá trình nói chuyện và thấy hoàn cảnh gia đình của T, H sống khổ cực, khó khăn, không có nhà ở, không có thu nhập ổn định nên B1 đã gợi ý, hướng dẫn cho T và H đánh

bạc dưới hình thức ghi lô đề cho các con bạc rồi chuyển các số ghi lô đề cho B1 để nhận tiền hoa hồng thì T và H đồng ý. Do sử dụng điện thoại không thành thạo nên T nhận ghi, đưa phoi lô đề cho các con bạc và tính tiền thắng, thua trực tiếp với con bạc, còn H thống kê các con số lô đề mà các con bạc đánh rồi sử dụng điện thoại liên hệ cho B1 biết số tiền đánh và các con số mà con bạc đánh. Số tiền thắng thua, hoa hồng sẽ được B1 tính với T và H vào trưa ngày hôm sau.

Vào tối ngày 16/7/2019, Phạm Ngọc T1 và nhiều con bạc khác (không xác định được nhân thân lai lịch) đi đến nhà T ở đường X, phường TT, thành phố B (Nhà vợ chồng T mượn ở tạm), gặp T và H để đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền thì T và H đồng ý. Tổng số tiền mà T và H đánh bạc là 131.850.000 đồng. Đến ngày 17/7/2019 trong lúc T và H đang thanh toán tiền thắng thua thì bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra T và H đã tự nguyện giao nộp số tiền: 23.000.000 đồng, là số tiền thu lợi bất chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 324/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng b khoản 2 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 03 tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2019 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo vì hoàn cảnh mà nghe theo lời dụ dỗ ghi lô đề cho đối tượng tên B1 nhằm hưởng hoa hồng chứ bị cáo không phải là chủ lô đề. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội thể hiện sự ăn năn hối cải. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết là đang bị bệnh đái tháo đường, cao huyết áp, suy thận đang điều trị tại bệnh viện và bị cáo cần có thời gian để tiếp tục điều trị. Bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn (nuôi mẹ già yếu và em ruột bị tâm thần). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo

Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Do hoàn cảnh quá khó khăn nên khi được B (không rõ lai lịch) chỉ dẫn cách nhận ghi lô đề rồi chuyển hết tiền và số mà các con bạc đánh cho B để được hưởng tiền hoa hồng, nên ngày 16/7/2019 bị cáo nhận ghi lô đề cho Phạm Ngọc T1 và các đối tượng khác (không rõ lai lịch), đến ngày 17/7/2019 trong lúc đang thanh toán tiền thắng thua thì bị bắt quả tang. Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; quá trình xét xử đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn như đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là bị cáo bị nhiều bệnh đang điều trị tại bệnh viện. Do đó, xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự – Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 324/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức